

Bản án số: 93/2020/HS-ST

Ngày: 21 /8/2020

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN VIỆT YÊN, TỈNH BẮC GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà : Ông Ngô Quang Dũng

Các Hội thẩm nhân dân : Ông Thân Văn Nhân

Ông Nguyễn Ngọc Vân

- Thư ký phiên toà: Bà Đoàn Thị Thúy Nga - Thư ký Toà án nhân dân huyện Việt Yên, tỉnh Bắc Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Việt Yên, tỉnh Bắc Giang tham gia phiên toà: Bà Lê Thị Huyền - Kiểm sát viên .

Trong ngày 21/8/2020, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Việt Yên, tỉnh Bắc Giang, xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số 97/2020/TLST-HS ngày 16/7/2020 theo quyết định đưa ra xét xử số 95/2020/QĐXXST-HS ngày 06/8/2020 đối với các bị cáo:

1. Họ và tên: **Thân Văn A**, sinh năm 1983 tại xã H, huyện V, tỉnh Bắc Giang; Nơi cư trú: thôn N, xã H, huyện V, tỉnh Bắc Giang; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: không; Giới tính: nam; Nghề nghiệp: công nhân; Trình độ văn hóa: 12/12; là Đảng viên bị đình chỉ sinh hoạt đảng ngày 15/7/2020; Con ông Thân Văn L (đã chết) và con bà Trần Thị H; Có vợ: Nguyễn Thị N và có 02 con; Tiền án, tiền sự: không; Bị cáo đầu thú, bị tạm giữ từ ngày 31/3/2020 đến ngày 08/4/2020, hiện tại ngoại (có mặt).

2. Họ và tên: **Dương Văn D**, sinh năm 1982 tại xã VT, huyện V, tỉnh Bắc Giang; Nơi cư trú: thôn V3, xã VT, huyện V, tỉnh Bắc Giang; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: không; Giới tính: nam; Nghề nghiệp: công nhân; Trình độ văn hóa: 12/12; Con ông Dương Văn V và con bà Lý Thị T; Có vợ: Nguyễn Thị Mỹ H và có 02 con; Tiền án, tiền sự: không; Bị cáo đầu thú, bị tạm giữ từ ngày 31/3/2020 đến ngày 08/4/2020, hiện tại ngoại (có mặt).

3. Họ và tên: **Nguyễn Tiến C**, sinh năm 1982 tại xã P, huyện Q, tỉnh Bắc Ninh; Nơi cư trú: thôn Đ, xã P, huyện Q, tỉnh Bắc Ninh; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: không; Giới tính: nam; Nghề nghiệp: lái xe; Trình độ văn hóa: 9/12; Con ông Nguyễn Tiến D và con bà Mai Thị H (Đã chết); Có vợ: Trần Thị Đ và có 03 con; Tiền án, tiền sự: không; Bị cáo đầu thú, bị tạm giữ từ ngày 31/3/2020 đến ngày 08/4/2020, hiện tại ngoại (có mặt).

- **Bị hại:** Công ty L; Địa chỉ: Khu Công nghiệp Q, huyện V, tỉnh Bắc Giang.

Người đại diện theo pháp luật: Ông LJ- chức vụ: Tổng giám đốc, ủy quyền cho ông Hoàng Đình L, sinh năm 1988, địa chỉ: thôn T, xã T, huyện V, tỉnh Bắc Giang, theo giấy ủy quyền ngày 30/3/2020 (có mặt).

- **Người làm chứng:**

1/ Chị Nguyễn Thị H, sinh năm 1994; Địa chỉ: Thôn D, xã D, huyện H, tỉnh Bắc Giang (vắng mặt).

2/ Chị La Thị V, sinh năm 1997; Địa chỉ: Thôn Đ, xã Y, huyện V, tỉnh Lạng Sơn (vắng mặt).

3/ Anh Dương Văn H, sinh năm 1988; Địa chỉ: Thôn T, xã T, huyện V, tỉnh Bắc Giang (vắng mặt).

4/ Chị Dương Thị V, sinh năm 1996; Địa chỉ: Thôn S, xã Y, huyện L tỉnh Bắc Giang (vắng mặt).

5/ Chị Thân Thị T, sinh năm 1990; Địa chỉ: Thôn Q, xã Q, huyện V, tỉnh Bắc Giang (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Thân Văn A, sinh năm: 1983, trú tại: thôn N, xã H, huyện V, tỉnh Bắc Giang là công nhân lái xe nâng tại kho F của Công ty Trách nhiệm hữu hạn L có địa chỉ tại Lô E, khu công nghiệp Q, huyện V, tỉnh Bắc Giang. Trong quá trình làm việc, A thấy trong kho tồn nhiều mặt hàng là linh kiện điện tử nên nảy sinh ý định trộm cắp, đem ra ngoài bán lấy tiền chi tiêu. Khoảng tháng 2/2020, A sử dụng điện thoại di động của mình đăng nhập vào trang mua bán linh kiện điện tử trên mạng xã hội Facebook, rao bán linh kiện điện tử thì được trang này phản hồi, cho số điện thoại của người mua để hai bên tiến hành giao dịch (A khai không nhớ cụ thể số điện thoại, chỉ nhớ có số đuôi “54”). Sau khi có số điện thoại, A gọi vào số này thì được một người phụ nữ trả lời, A giới thiệu có 06 thùng linh kiện điện tử là dây sạc Samsung muốn bán, người phụ nữ đồng ý mua.

Khoảng 20 giờ ngày 25/3/2020, A rủ Dương Văn D, sinh năm: 1982, trú tại: thôn V3, xã VT, huyện V, tỉnh Bắc Giang (D và A cùng là công nhân lái xe nâng tại kho F) cùng trộm cắp linh kiện điện tử, D đồng ý. Sau đó, A và D thống nhất, A sẽ là người xếp 06 thùng hàng lên giá để hàng trong kho để D xếp hàng lên xe vận chuyển ra ngoài Công ty tiêu thụ. Khoảng 03 giờ ngày 26/3/2020, lợi dụng trong kho F không có người, A xếp 06 thùng hàng (loại thùng bìa catton, màu vàng nhạt, kích thước chiều rộng 40cm, chiều dài 60cm, chiều cao 15cm, dạng hình hộp chữ nhật, dọc thùng có dán tem niêm phong của Công ty màu trắng), bên trong mỗi thùng là 350 chiếc dây sạc điện thoại di động Samsung, mã L1wu 2020-CS-H, (tổng số là 2.100 dây sạc đã thành phẩm) lên giá để hàng trong kho. Đến khoảng 07 giờ 30 phút cùng ngày, D đến nhận ca thì được A chỉ cho biết vị trí xếp 06 thùng hàng để D xếp lên xe vận chuyển ra ngoài Công ty.

Khoảng 08 giờ cùng ngày, A nhắn tin qua mạng xã hội zalo cho Nguyễn Tiến C, sinh năm: 1982, trú tại: thôn Đ, xã P, huyện Q, tỉnh Bắc Ninh (C là lái xe của công ty D, địa chỉ: phường Đ, thành phố B, tỉnh Bắc Ninh có hợp đồng vận tải với Công ty L) hỏi C có đến chở hàng tại Công ty L không, mục đích để trả trộn số hàng trộm cắp được lên xe của C đem ra ngoài tiêu thụ. Khi được C cho biết là sẽ đến chở hàng tại Công ty L, A thông báo cho D biết, để D xếp 06 thùng hàng trộm cắp lên xe của C. Sau đó, A gọi điện thông báo cho người phụ nữ biết là đã có 06 thùng linh kiện là dây sạc điện thoại Samsung thì người phụ nữ này trả giá 06 thùng linh kiện là 12.000.000 đồng và hẹn gặp A tại khu vực đầu cầu N để thực hiện giao dịch mua bán.

Khoảng 11 giờ cùng ngày, C lái xe ô tô biển kiểm soát 98C-143.39 đến kho F của Công ty L để nhận hàng. Tại đây, D sử dụng xe nâng xếp đủ số hàng theo hóa đơn xuất hàng ngày 26/3/2020 (gồm 02 thùng hàng mã L1wu 2014-CS-H và 18 thùng mã L1wu 2020-CS-H), đồng thời xếp thêm 06 thùng hàng trộm cắp lên xe ô tô của C để đem ra ngoài Công ty, rồi thông báo cho A biết. Được D thông báo, A gọi điện cho người phụ nữ đặt mua hàng thì một người đàn ông nghe máy, A và người đàn ông này thống nhất địa điểm gặp nhau để thực hiện việc mua bán ở khu vực đường dân sinh, lối đi vào Ủy ban nhân dân xã Q, huyện V, thuộc địa phận thôn N, xã Q, huyện V, tỉnh Bắc Giang. Sau khi thống nhất địa điểm, A gọi điện thoại báo C lái xe đến điểm hẹn để A lấy 06 thùng hàng đã trộm cắp của Công ty. Lúc này, C biết trên xe ô tô của mình có hàng do A và D trộm cắp được nhưng vì nghĩ A sẽ chia lợi nhuận cho mình sau khi bán được hàng nên C đã đồng ý và lái xe đến địa điểm đã hẹn với A. Khoảng gần 12 giờ cùng ngày, C lái xe đến điểm hẹn gặp A. Tại đây, C mở kẹp chì niêm phong thùng xe để A lấy 06 thùng hàng do D xếp lên xe trước đó, giao cho một người đàn ông đi xe ô tô nhãn hiệu Toyota Vios màu đen đang đỗ ở gần đó (cả A và C đều khai không biết tên, tuổi, địa chỉ và không nhớ đặc điểm của người đàn ông này). Sau khi giao hàng, A điều khiển xe mô tô đi đến điểm hẹn để lấy tiền là khu vực đầu thôn T, xã Q, huyện V, tỉnh Bắc Giang thì được một người phụ nữ đội mũ lưỡi trai đi cùng xe ô tô (A khai không nhìn rõ mặt, không biết họ, tên, tuổi, địa chỉ của người phụ nữ này) trả số tiền 12.000.000 đồng theo thỏa thuận.

Đối với Nguyễn Tiến C, sau khi mở kẹp chì để A lấy 06 thùng hàng trộm cắp, C khóa kẹp chì lại, tiếp tục đi đến tỉnh Thái Nguyên để giao hàng cho Công ty. Khi đi đến đường cao tốc Hà Nội – Thái Nguyên, C nhận được điện thoại của chị Nguyễn Thị H, sinh năm: 1994, trú tại: thôn D, xã D, huyện H, tỉnh Bắc Giang là nhân viên quản lý chất lượng tại kho F của Công ty L, yêu cầu C mang 06 thùng hàng thừa (là 06 thùng hàng do A, D, C trộm cắp) quay trở lại Công ty nên C hẹn chị H sẽ đem hàng về trả vào buổi tối cùng ngày rồi điện thoại thông báo cho A thì A nói mọi việc cứ để A lo. Khoảng 20 giờ cùng ngày 26/3/2020, sau khi giao hàng xong, C điều khiển xe ô tô về kho F của Công ty L. Tại đây, A lấy 06 thùng hàng có đặc điểm giống 06 thùng hàng A, D và C đã trộm cắp được ở trong kho của Công ty xếp lên xe ô tô của C, mục đích để che giấu hành vi trộm

cấp tài sản rồi gọi bộ phận quản lý chất lượng xuống kiểm tra và trả lại 06 thùng hàng này cho Công ty.

Ngày 28/3/2020, A đưa cho D 6.000.000 đồng là tiền bán tài sản trộm cắp mà có; cùng ngày 28/3/2020, A nhắn tin xin số tài khoản của C nhưng chưa chuyển cho C khoản tiền nào, số tiền còn lại A vẫn giữ.

Ngày 30/3/2020, anh Hoàng Đình L, sinh năm: 1988, trú tại: thôn T, xã T, huyện V, tỉnh Bắc Giang là đại diện theo ủy quyền của công ty L đã có đơn trình báo gửi Cơ quan Cảnh sát điều tra – Công an huyện Việt Yên.

Ngày 31/3/2020, Thân Văn A, Dương Văn D và Nguyễn Tiến C đến đầu thú tại Cơ quan Cảnh sát điều tra- Công an huyện Việt Yên về hành vi trộm cắp tài sản.

Ngày 03/4/2020, Hội đồng định giá trong tổ tụng hình sự huyện Việt Yên tiến hành định giá và kết luận: 2.100 dây sạc điện thoại Samsung, ký hiệu L1wu 2020-CS-H trị giá 31.500.000 đồng.

Đối với 03 chiếc điện thoại di động của A, D và C sử dụng vào việc phạm tội. Quá trình điều tra A, D khai đã làm mất 02 chiếc điện thoại này; C khai đã bán chiếc điện thoại của mình cho một cửa hàng mua bán điện thoại di động trên địa bàn thành phố Bắc Ninh nhưng không nhớ địa điểm cụ thể. Các số sim, A, D và C sử dụng liên lạc khi thực hiện hành vi trộm cắp, các bị cáo khai đều là sim rác, sau khi sử dụng xong đã vứt bỏ sim, không nhớ số, không nhớ vứt ở đâu. Cơ quan điều tra không thu hồi được 03 chiếc điện thoại và 03 số sim nêu trên.

Đối với các đối tượng (gồm: 01 người đàn ông và 01 người phụ nữ) đã thực hiện việc mua tài sản do A và đồng phạm trộm cắp mà có. Kết quả điều tra xác định, cả hai người này đều thực hiện việc giao dịch mua bán với A nhưng A không biết tên, tuổi, địa chỉ cụ thể ở đâu; không nhớ số điện thoại liên lạc nên Cơ quan điều tra chưa xác được các đối tượng này; chưa thu hồi được tài sản trộm cắp. Cơ quan Cảnh sát điều tra- Công an huyện Việt Yên tách phần tài liệu đối với các đối tượng này để tiếp tục điều tra, khi nào làm rõ sẽ xử lý sau.

Tại bản Cáo trạng số 86/CT-VKS ngày 06/7/2020 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Việt Yên, tỉnh Bắc Giang đã truy tố bị cáo Thân Văn A, Dương Văn D và Nguyễn Tiến C về tội “Trộm cắp tài sản”, theo khoản 1 Điều 173 của Bộ luật hình sự năm 2015.

Tại phiên tòa, các bị cáo Thân Văn A, Dương Văn D và Nguyễn Tiến C khai nhận hành vi phạm tội của mình như lời khai của các bị cáo tại cơ quan điều tra có trong hồ sơ vụ án. Các bị cáo đều khai mỗi người góp 10.500.000 đồng trả cho bị hại. Bị cáo Dương Văn D khai có bố để được Nhà nước tặng Huân chương. Bị cáo Thân Văn A khai có 3 năm thực hiện nghĩa vụ quân sự và được tặng giấy khen chiến sĩ giỏi.

Người đại diện của bị hại trình bày: Công ty có bà Nguyễn Thị H phát hiện tài sản bị trộm cắp đã báo cho công ty và công ty đã trình báo công an giải quyết. Các bị cáo đã trả cho công ty đủ 31.500.000 đồng, công ty không yêu cầu bồi thường thêm, giữ nguyên yêu cầu xem xét giảm nhẹ cho các bị cáo.

Kiểm sát viên thực hành công tố tại phiên toà giữ nguyên quan điểm như Cáo trạng đã truy tố đối với các bị cáo, đề nghị Hội đồng xét xử tuyên bố các bị cáo Thân Văn A, Dương Văn D và Nguyễn Tiến C phạm tội “Trộm cắp tài sản”;

- Đề nghị áp dụng khoản 1 Điều 173, điểm b, i, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51, Điều 17, Điều 58, Điều 65 của Bộ luật hình sự đối với cả ba bị cáo;

- Xử phạt bị cáo Thân Văn A từ 18 tháng tù đến 21 tháng tù, cho hưởng án treo, thời gian thử thách từ 36 tháng đến 42 tháng tính từ ngày tuyên án sơ thẩm.

- Xử phạt bị cáo Dương Văn D từ 15 tháng tù đến 18 tháng tù, cho hưởng án treo, thời gian thử thách từ 30 tháng đến 36 tháng tính từ ngày tuyên án sơ thẩm.

- Xử phạt bị cáo Nguyễn Tiến C từ 15 tháng tù đến 18 tháng tù, cho hưởng án treo, thời gian thử thách từ 30 tháng đến 36 tháng tính từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Không phạt bổ sung (phạt tiền) đối với các bị cáo.

+ Về trách nhiệm dân sự: Không đặt ra giải quyết vì các bị cáo đã bồi thường xong cho bị hại và bị hại không có yêu cầu gì thêm.

Ngoài ra còn đề nghị xử lý án phí.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Các cơ quan tiến hành tố tụng, Điều tra viên, Kiểm sát viên đã thực hiện đúng các quy định của Bộ luật tố tụng hình sự trong quá trình điều tra, truy tố, xét xử vụ án.

[2] Lời khai nhận tội của các bị cáo tại phiên tòa phù hợp với lời khai của các bị cáo tại cơ quan điều tra có trong hồ sơ vụ án, phù hợp với lời khai của bị hại, người làm chứng và các tài liệu chứng cứ thu thập được nên có đủ cơ sở kết luận:

Khoảng 11 giờ ngày 26/3/2020, tại kho F của Công ty Trách nhiệm hữu hạn L, địa chỉ: khu công nghiệp Q, huyện V, tỉnh Bắc Giang, Thân Văn A, sinh năm: 1983, trú tại: thôn N, xã H, huyện V, tỉnh Bắc Giang và Dương Văn D, sinh năm: 1982, trú tại: thôn V3, xã V, huyện V, tỉnh Bắc Giang đều là nhân viên kho đã có hành vi bàn bạc, cùng nhau trộm cắp 06 thùng hàng là 06 thùng bìa catton, màu vàng nhạt, kích thước chiều rộng 40cm, chiều dài 60cm, chiều cao 15cm, dạng hình hộp chữ nhật, dọc thùng có dán tem niêm phong của công ty màu trắng (bên trong mỗi thùng là 350 chiếc dây sạc điện thoại di động Samsung, mã L1wu 2020-CS-H, tổng là 2.100 dây sạc đã hoàn thiện), tổng trị giá 31.500.000 đồng, xếp lên xe ô tô chở hàng của Nguyễn Tiến C, sinh năm: 1982, trú tại: thôn Đ, xã P, huyện Q, tỉnh Bắc Giang để mang ra ngoài bán cho một người phụ nữ không biết tên, tuổi, địa chỉ cụ thể được 12.000.000 đồng. Số tiền này, A chia cho D 6.000.000 đồng, còn lại chi tiêu cá nhân hết, C chưa được hưởng lợi từ số tiền này.

Các bị cáo có đủ năng lực trách nhiệm hình sự, thực hiện hành vi phạm tội với lỗi cố ý trực tiếp. Hành vi phạm tội của các bị cáo trực tiếp xâm hại quyền sở hữu tài sản của người khác, gây ảnh hưởng xấu đến an ninh trật tự xã hội, giá trị tài sản các bị cáo trộm cắp là 31.500.000 đồng. Hành vi phạm tội của các bị cáo có đủ yếu tố cấu thành tội “Trộm cắp tài sản”, vi phạm vào khoản 1 Điều 173 của Bộ luật hình sự năm 2015, do vậy Cáo trạng của Viện kiểm sát đã truy tố các bị cáo là có căn cứ.

[3] Xét về nhân thân, vai trò, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự của các bị cáo thì thấy:

- Về vai trò: Trong vụ án này, các bị cáo cùng cố ý thực hiện hành vi trộm cắp tài sản của Công ty L nhưng không có sự cấu kết chặt chẽ nên chỉ là đồng phạm giản đơn. Bị cáo Thân Văn A có vai trò cao nhất vì bị cáo là người khởi xướng, rủ các bị cáo khác tham gia thực hiện tội phạm và là người trực tiếp thực hiện hành vi phạm tội; Tiếp theo đến bị cáo Dương Văn D và bị cáo Nguyễn Tiến C vì hai bị cáo cùng tham gia thực hiện chuyển tài sản trộm cắp ra khỏi công ty để đi tiêu thụ.

- Về nhân thân: Các bị cáo đều có nhân thân tốt vì đều chưa bị kết án, chưa bị xử lý hành chính lần nào.

- Về tình tiết giảm nhẹ: Các bị cáo đều đã ra đầu thú, lần đầu phạm tội và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng, khai báo thành khẩn, ăn năn hối cải, cùng nhau bồi thường thiệt hại cho Công ty được 31.500.000 đồng giá trị tài sản trộm cắp, được Bị hại xin giảm nhẹ cho các bị cáo nên đều được hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự ở điểm b, i, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51 của Bộ luật hình sự. Bị cáo Thân Văn A còn có thêm tình tiết giảm nhẹ: Có thời gian phục vụ nghĩa vụ quân sự và được tặng chiến sỹ giỏi nên được hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự ở khoản 2 Điều 51 của Bộ luật hình sự. Bị cáo Dương Văn D trình bày có bố đẻ được tặng Huân chương nhưng không xuất trình được nên không có căn cứ áp dụng.

- Về tình tiết tăng nặng: Các bị cáo không phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự quy định tại khoản 1 Điều 52 của Bộ luật hình sự.

[4] Căn cứ tính chất mức độ nguy hiểm của hành vi phạm tội mà các bị cáo đã thực hiện, căn cứ vào các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, vào nhân thân, vai trò của các bị cáo, cần áp dụng hình phạt tù có thời hạn đối với các bị cáo và xử phạt các bị cáo mức án tương xứng với tính chất mức độ nguy hiểm hành vi phạm tội và hậu quả mà các bị cáo gây ra, góp phần đấu tranh phòng chống tội phạm nói chung và tội phạm xâm hại quyền sở hữu nói riêng.

Song xét thấy các bị cáo đều lần đầu phạm tội ít nghiêm trọng, đều có nhân thân tốt, có nhiều tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, đều có nghề nghiệp và nơi cư trú rõ ràng, các bị cáo có đủ điều kiện hưởng án treo theo hướng dẫn tại Nghị quyết số 02/2018/NQ-HĐTP ngày 15/5/2018 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao nên Hội đồng xét xử thấy không cần cách ly các bị cáo khỏi xã hội mà cho các bị cáo cải tạo tại địa phương cũng đảm bảo

việc giáo dục các bị cáo trở thành công dân tốt có ích cho xã hội và cũng đảm bảo chính sách xã hội, chính sách khoan hồng của Đảng và Nhà nước ta.

Các bị cáo phạm tội ít nghiêm trọng, đã bồi thường cho bị hại, hoàn cảnh kinh tế còn khó khăn nên không áp dụng hình phạt bổ sung (phạt tiền) đối với các bị cáo.

[5] Về trách nhiệm dân sự: Các bị cáo đã bồi thường cho Công ty L được 31.500.000 đồng là giá trị tài sản bị trộm cắp, Công ty không yêu cầu bồi thường gì thêm nên không xem xét giải quyết.

[6] Về xử lý vật chứng: Không có.

[7] Về án phí: Các bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

[8] Người tham gia tố tụng được quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

[1] Về trách nhiệm hình sự:

Tuyên bố bị cáo Thân Văn A, Dương Văn D, Nguyễn Tiến C phạm tội “Trộm cắp tài sản”.

1.1 Căn cứ khoản 1 Điều 173, điểm b, i, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51, Điều 17, Điều 58, Điều 65 của Bộ luật hình sự; Xử phạt bị cáo Thân Văn A 18 (mười tám) tháng tù, cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 36 (ba mươi sáu) tháng tính từ ngày tuyên án sơ thẩm: 21/8/2020. Giao bị cáo Thân Văn A cho UBND xã H, huyện V, tỉnh Bắc Giang giám sát và giáo dục trong thời gian thử thách.

1.2 Căn cứ khoản 1 Điều 173, điểm b, i, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51, Điều 17, Điều 58, Điều 65 của Bộ luật hình sự; Xử phạt bị cáo Dương Văn D 15 (mười lăm) tháng tù, cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 30 (ba mươi) tháng tính từ ngày tuyên án sơ thẩm: 21/8/2020. Giao bị cáo Dương Văn D cho UBND xã VT, huyện V, tỉnh Bắc Giang giám sát và giáo dục trong thời gian thử thách.

1.3 Căn cứ khoản 1 Điều 173, điểm b, i, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51, Điều 17, Điều 58, Điều 65 của Bộ luật hình sự; Xử phạt bị cáo Nguyễn Tiến C 15 (mười lăm) tháng tù, cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 30 (ba mươi) tháng tính từ ngày tuyên án sơ thẩm: 21/8/2020. Giao bị cáo Nguyễn Tiến Công cho UBND xã P, huyện Q, tỉnh Bắc Ninh giám sát và giáo dục trong thời gian thử thách.

Trường hợp các bị cáo hưởng án treo thay đổi nơi cư trú thì được thực hiện theo quy định tại khoản 3 Điều 92 của Luật thi hành án hình sự.

Trong thời gian thử thách, nếu người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ theo quy định của Luật thi hành án hình sự 02 lần trở lên thì Tòa án có

thể buộc người được hưởng án treo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo.

[2] Về án phí: Căn cứ vào Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự; Điều 23 của Nghị quyết số 326/ UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội; Các bị cáo Thân Văn A, Dương Văn D, Nguyễn Tiến C, mỗi bị cáo phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm.

[3] Các bị cáo, bị hại có mặt được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Bắc Giang;
- Sở Tư pháp tỉnh Bắc Giang;
- VKSND huyện Việt Yên;
- Công an huyện Việt Yên;
- Cơ quan CSĐT huyện Việt Yên;
- Trại tạm giam;
- Chi cục THADS huyện Việt Yên;
- Bị cáo, người đại diện hợp pháp của bị cáo;
- Bị hại;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**

(đã ký)

Ngô Quang Dũng

